

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu
2. Ông Đào Mạnh Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2018/TLST - HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Văn C, sinh năm 1971. Tên gọi khác: Trần Văn T. Tại Bắc Giang

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở: thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa 3/12. Con ông: Trịnh Văn T, sinh năm 1932 (đã chết). Con bà: Đỗ Thị P, sinh năm 1932 (đã chết). Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ 3. Vợ: Nguyễn Thu H, sinh năm 1977. Con: 01 con, sinh năm 1992.

- Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 306/HSST ngày 28/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt Trịnh Văn C 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/6/2016, chưa thi hành hình phạt bổ sung và án phí.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 2360/HSPT ngày 30/11/1999 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt Trần Văn T 10 năm tù về tội “Mua bán trái

phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/7/2007, được đình chỉ thi hành phần án phí và hình phạt bổ sung ngày 28/3/2013.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 19/01/2018, chuyển tạm giam ngày 24/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Kim P (tức L), sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà A, tổ C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà A, tổ C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Chị Trần Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà X, tổ C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Việt N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà Z, Tổ T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Đoàn Thế M, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số nhà Z, tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 15 phút ngày 19/01/2018 tại khu vực bờ đê, tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Trịnh Văn C, sinh năm 1971, trú tại: thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói giấy màu trắng có chữ và số, bên trong đựng 03 (ba) gói giấy màu trắng đều có chữ và số, trong mỗi gói giấy đều đựng chất cục bột màu trắng (nghỉ là ma túy Hêrôin), do Trịnh Văn C tự giác lấy từ trong túi quần bên trái đang mặc ra giao nộp khi bị bắt;

- 01 (một) giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Văn C; 01 (một)

chiếc điện thoại di động màu trắng đen nhãn hiệu MASSTEL C900 và 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , biển kiểm soát 98L6-3900.

Tổ công tác tiến hành niêm phong tại chỗ vật chứng nghi ma túy vào 01 (một) phong bì thư, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. (BL 22, 23)

Ngày 19/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành khám xét nơi ở của Trịnh Văn C tại thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Kết quả khám xét thu giữ: 01 (một) gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong đựng 01 (một) túi nilon màu trắng được hàn kín, bên trong túi nilon đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp, thu giữ trong túi áo khoác treo trong phòng ở của Trịnh Văn C được niêm phong vào phong bì kí hiệu “KX”. (BL 27)

Kết luận giám định số 115/KL- PC54 ngày 22/01/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Trong phong bì thư đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 03 (ba) gói giấy màu trắng đều có chữ và số (tất cả được đựng trong 01 (một) gói giấy màu trắng có chữ và số) đều là chất ma túy Hêrôin, có tổng khối lượng: 0,170 gam.

- Trong phong bì thư có ký hiệu “KX” đã được niêm phong gửi giám định: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng được hàn kín (được đựng trong 01 (một) gói giấy màu trắng có dòng kẻ) là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,096 gam. (BL 31)

Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 08 giờ ngày 19/01/2018, C điều khiển xe mô tô Honda Wave α , biển kiểm soát 98L6-3900 đi từ nhà lên khu vực C, phường T, thành phố B mua ma túy về sử dụng. Đến nơi, C gặp một người đàn ông không quen biết, C nhờ người này mua hộ 100.000 đồng tiền ma túy. Người đàn ông đồng ý cầm tiền và đi đâu đó khoảng 30 phút sau thì quay lại đưa cho C 03 gói ma túy Hêrôin. C cất số ma túy trên vào trong túi quần bên trái đang mặc rồi đi về đến bờ đê thuộc khu vực tổ dân phố T, phường L, thành phố B thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Người đàn ông mua ma túy hộ C do C khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên không đủ căn cứ xác minh xử lý.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , biển kiểm soát 98L6-3900, đăng ký mang tên chủ sở hữu là ông Bùi Quốc Việt, sinh năm 1947, ở số 08, ngõ 235 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Chiếc xe này do chị Trần Thị L, sinh năm 1973 ở số nhà 14B, ngõ 219A, tổ C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang mua lại nhưng không làm giấy tờ mua bán và thủ tục đăng ký sang tên đổi chủ. Sau đó chị Lý bán lại cho chị Nguyễn

Thị Kim P, sinh năm 1975 ở số nhà 17, ngõ 219A, tổ C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nhưng không làm giấy tờ mua bán và thủ tục đăng ký sang tên đổi chủ. Chiếc xe này chị Phượng cho con gái là Trịnh Thị T, sinh năm 1995 ở số nhà 17, ngõ 219A, tổ C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang sử dụng làm phương tiện đi lại hằng ngày. Cách ngày bị bắt khoảng 2 tháng, Trịnh Văn C mượn chị Tây chiếc xe trên để làm phương tiện lái xe ôm, C sử dụng chiếc xe từ đó cho đến ngày bị bắt. Ngày 14/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho chị Phượng.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 phong bì thư đựng mẫu vật (ma túy Hêrôin và ma túy Methamphetamine) hoàn lại sau giám định; 01 (một) giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Văn C và 01 (một) chiếc điện thoại di động màu trắng đen nhãn hiệu MASSTEL C900 được nhập kho vật chứng để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 49/KSĐT ngày 14 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trịnh Văn C (tức Trần Văn T) về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

+ Chị Nguyễn Thị Kim P (tức Loan) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 98.L6-3900, chị mua cho con gái chị là Trịnh Thị T để làm phương tiện đi làm, bị cáo C là bác ruột có mượn xe của cháu Tây đi mua ma túy chị không được biết. Nay chị đã nhận lại xe và không có ý kiến gì.

+ Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra như sau:

- Chị Trịnh Thị T trình bày: Chị có cho bị cáo C mượn xe bị cáo C có nói là đi làm xe ôm, do có mối quan hệ họ hàng, chị có cho mượn và không biết bị cáo sử dụng xe để đi mua ma túy, nay chị đã nhận lại xe và không có ý kiến gì.

- Chị Trần Thị L trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 98.L6-3900, chị mua của anh Việt nhà ở ngõ 13, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, mua năm 2006. Chị sử dụng đến tháng 01/2017 chị bán lại cho chị Nguyễn Thị Kim P (tức Loan) ở gần nhà với giá 1.000.000 đồng.

+ Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 19/01/2018 các anh được chứng kiến lực lượng Công an thành phố B bắt giữ bị cáo C có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn C (tức Trần Văn T) phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn C (tức Trần Văn T) từ 16 tháng đến 19 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư đựng mẫu vật dán kín hoàn lại sau giám định.

Trả lại bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Văn C và 01 chiếc điện thoại di động màu trắng đen nhãn hiệu MASTEL C900 nhưng tạm giữ chiếc điện thoại di động trên để đảm bảo thi hành án .

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Hồi 09 giờ 15 phút ngày 19/01/2018 tại khu vực bờ đê, tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Trịnh Văn C có hành vi tàng trữ trái phép 0,170 gam chất ma túy Hêrôin để sử dụng. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trịnh Văn C còn thu giữ 0,096 gam chất ma túy Methamphetamine do C tàng trữ để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an xã hội. Ma túy là hiểm họa của xã hội, làm xói mòn đạo đức và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Đảng và Nhà nước đang quyết tâm loại trừ tệ nạn này. Nhưng chỉ vì mục đích, nhu cầu cá nhân, bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã hai lần bị xử về hình sự năm 1999 và năm 2013.

[3] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần khi lượng hình.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Năm 2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B xử 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/6/2016, bị cáo chưa thi hành hình phạt bổ sung và án phí. Lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về hình phạt bổ sung: Cơ quan điều tra xác minh bị cáo không có tài sản, không có kinh tế để thi hành tiền phạt, cho nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người đàn ông mua ma túy hộ C do C khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu, nên không có căn cứ điều tra xử lý.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 02 phong bì thư đựng mẫu vật dán kín hoàn lại sau giám định, đây là vật Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Văn C và 01 chiếc điện thoại di động màu trắng đen nhãn hiệu MASTEL C900, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy cần trả lại bị cáo, nhưng tạm giữ chiếc điện thoại di động để đảm bảo thi hành án .

[8] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn C (tức Trần Văn T) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố

tụng hình sự. Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn C (tức Trần Văn T) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2018.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư đựng mẫu vật dán kín hoàn lại sau giám định; Trả lại bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Văn C và 01 chiếc điện thoại di động màu trắng đen nhãn hiệu MASTEL C900, nhưng tạm giữ chiếc điện thoại di động để đảm bảo thi hành án

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo